

PHỤ LỤC
DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
Đơn vị: Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại
Mã số ĐVSDNS: 1028118

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SCT ngày /01/2025 của Sở Công Thương)

ĐVT: đồng.

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
A	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAO NĂM 2025	11,930,000,000
I	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (MDP: 200)	11,930,000,000
I.1	Chi sự nghiệp kinh tế (sự nghiệp kinh tế khác)	11,863,000,000
1	Kinh phí tự chủ (280 - 309)	2,616,000,000
	Chi hoạt động (Nguồn 13)	2,616,000,000
a	Chi quỹ lương (17 biên chế)	2,003,000,000
a.1	Quỹ lương theo MLCS: 1.490.000 đồng	1,275,000,000
	Lương biên chế	1,003,000,000
	Phụ cấp lương (chức vụ, trách nhiệm...)	27,000,000
	Các khoản đóng góp (BHXH, BHYT, KPCĐ...)	245,000,000
a.2	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1.490.000 đồng đến 2.340.000 đồng	728,000,000
	Lương biên chế	581,900,000
	Phục cấp lương (chức vụ, trách nhiệm...)	15,300,000
	Các khoản đóng góp (BHXH, BHYT, KPCĐ...)	130,800,000
b	Chi thường xuyên	613,000,000
b.1	Chi hoạt động thường xuyên	364,000,000
	Tiền thưởng (thưởng thường xuyên, đột xuất...)	25,000,000
	Phúc lợi tập thể (trợ cấp khó khăn, tàu xe nghỉ phép năm...)	25,000,000
	Các khoản thanh toán cá nhân	40,000,000
	Thanh toán dịch vụ công cộng (điện, nước, vệ sinh, môi trường...)	45,000,000
	Chi vật tư văn phòng (văn phòng phẩm, vật tư văn phòng khác)	30,000,000
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc (cước phí điện thoại, bưu chính...)	15,000,000
	Hội nghị (in, mua tài liệu, chi bù tiền ăn...)	6,000,000

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SCT ngày /01/2025 của Sở Công Thương)

	Công tác phí (phụ cấp công tác phí, phòng ngủ, khoán CTP...)	35,000,000
	Chi thuê mướn (phương tiện vận chuyển, lao động trong nước...)	30,000,000
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng (thiết bị CNTT, tài sản và thiết bị VP...)	28,000,000
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	30,000,000
	Mua sắm TS vô hình (mua, bảo trì phần mềm CNTT...)	30,000,000
	Chi khác (phí, lệ phí; tiếp khách...)	25,000,000
b.2	KP hỗ trợ 03 hợp đồng lao động theo NĐ 111/2022/NĐ-CP	249,000,000
	Kinh phí hỗ trợ lương hợp đồng lao động	159,000,000
	Các khoản đóng góp	37,400,000
	Hỗ trợ hoạt động thường xuyên HĐLĐ	52,600,000
2	Kinh phí không tự chủ	9,247,000,000
2.1	Nguồn 18	162,000,000
	Kinh phí khen thưởng theo Nghị định số 73/2024 NĐ-CP	162,000,000
2.2	Nguồn 12 (Kinh phí thực hiện nhiệm vụ)	9,085,000,000
a	Loại 280 - Khoản 309	5,465,000,000
	Khuyến công địa phương giai đoạn 2021-2025	5,036,000,000
	KP phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2021-2025	429,000,000
b	Loại 280 - Khoản 321	3,620,000,000
	Phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2021-2025.	475,000,000
	Kinh phí xúc tiến thương mại	3,145,000,000
II.2	Chi sự nghiệp phát thanh và truyền hình (kinh phí không tự chủ): (Loại 190 – Khoản 201 - Nguồn 12)	67,000,000
	Kinh phí đặt hàng sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình sử dụng ngân sách nhà nước	67,000,000

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SCT ngày /01/2025 của Sở Công Thương)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SCT ngày /01/2025 của Sở Công Thương)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SCT ngày /01/2025 của Sở Công Thương)